

1

sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không có tiếng nói chung, cãi nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc nên anh chị đã ly thân khoảng 03 năm nay. Vì vậy, anh L yêu cầu ly hôn với chị N.

Thời gian chung sống anh chị có 02 người con chung tên Phạm Hứa T, sinh ngày 15/6/2015 và Phạm Hứa P, sinh ngày 15/6/2015. Hiện nay, con chung do chị N nuôi dạy. Khi ly hôn anh L tự nguyện giao con chung cho chị N nuôi dạy và anh L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Tài sản chung, nợ chung không có nên anh L không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Phạm Bá L khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Hứa Hồng N. Do anh chị chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; Chị N có địa chỉ cư trú tại ấp 3, xã TLB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của anh L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị N nhưng chị N vắng mặt tại các lần xét xử không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị N theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh L có yêu cầu xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh L theo khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Anh L và chị N tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau vào ngày 26/01/2015. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên anh L yêu cầu ly hôn với chị N. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tổ chức hòa giải để anh chị có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả do chị N vắng mặt khi hòa giải, xét

xử không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử lý cho anh Phạm Bá L và chị Hứa Hồng N được ly hôn.

[4] Về con chung: Thời gian chung sống anh chị có 02 người con chung tên Phạm Hứa T, sinh ngày 15/6/2015 (giới tính nam) và Phạm Hứa P, sinh ngày 15/6/2015 (giới tính nam). Xét thấy, anh L tự nguyện giao con chung cho chị N tiếp tục nuôi dạy là có cơ sở. Bởi vì, hiện tại con chung do chị N trực tiếp nuôi dạy nên việc hoán đổi nuôi con sẽ ảnh hưởng đến tình cảm của con chung. Hơn nữa tại bản tự khai ngày 10/8/2023 cháu T và cháu P có yêu cầu và nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị N. Do cháu T và cháu P đã trên 07 tuổi nên yêu cầu và nguyện vọng của hai cháu là phù hợp. Vì vậy, cần giao con chung cho chị N tiếp tục nuôi dạy là phù hợp.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con, xét thấy, anh L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật là có cơ sở. Bởi vì việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên. Do con chung anh L tự nguyện giao chị N nuôi dạy. Vì vậy buộc anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T và cháu P với số tiền 900.000 đồng/tháng/cháu (Mức lương cơ sở hiện nay là 1.800.000 đồng/tháng) đến khi hai cháu đủ 18 tuổi.

Về lỗi suất chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh L xác định thời gian chung sống, anh chị không có tài sản chung, nợ chung không có nên anh không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh L phải chịu án phí – Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 56, 81, 82, 83 của luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Anh Phạm Bá L và chị Hứa Hồng N được ly hôn.

2. Về con chung: Anh Phạm Bá L có nghĩa vụ giao con chung tên Phạm Hứa T, sinh ngày 15/6/2015 (giới tính nam) và Phạm Hứa P, sinh ngày 15/6/2015 (giới tính nam) cho chị Hứa Hồng N tiếp tục nuôi dạy. Anh Phạm Bá L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Phạm Hứa T và Phạm Hứa P mỗi tháng với số tiền 900.000đ/cháu kể từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu T và cháu P đủ 18 tuổi. Anh L không trực tiếp nuôi dạy con chung nhưng anh có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung phù hợp theo quy định pháp luật không ai được quyền cản trở.

Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án: Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của chị Hứa Hồng N cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng anh Phạm Bá L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Phạm Bá L phải nộp 300.000 đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Vào ngày 27 tháng 7 năm 2023 anh L có dự nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0003812 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

Án phí cấp dưỡng: Anh Phạm Bá L phải nộp 300.000 đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Phi Hùng – Đinh Chí Hiên

Nguyễn Kiều Trang